khác 1) Viêm tụy cấp không có triệu chứng nào sau đây: Khối u sờ thấy ở thượng vị Bung chướng b. Âm ruôt tăng c. Giảm hoặc mất d. Dấu Cullen e. Nôn ói Khám bằng tay hậu môn trực tràng trong trĩ nhằm: Khám HMTT thường khó đánh giá Trĩ, chủ yếu dùng để tìm biến trĩ 2) chứng như Trĩ tắc mạch, K ống hậu môn trực tràng... a) Phân biệt trĩ nội, trĩ ngoại b) Sờ xem có bao nhiêu búi trĩ tìm u trực tràng K dạ dày phương tiên chẩn đoán xâm lấn trong u thư da dày: CT Scan Hoặc Siêu âm qua ngã nội soi (EUS) 3) Phương pháp khám gan đúng: K gan a) đứng bên trái bệnh nhân b) gan ở dưới cơ hoành nên gan sẽ di động theo nhịp thở bệnh nhân c) Bờ trên gan là đường ngang qua 2 núm vú (đường thẳng ngang ngay dưới 2 núm vú mới đúng) d) Dấu hiệu bờ sắc, lỗn nhỗn gặp trong xơ gan (K gan) e) Rung gan + gặp trong ung thư gan (áp xe gan) đường mật 5) Bệnh nhân điển hình sỏi ống mật chủ cận lâm sàng nào sau đây được sử dụng: chọn câu sai a) Amylase máu b) Bil, AST, ALT c) CT scan (d) X quang bụng đứng không sửa soạn e) CTM, CRP 6) Dấu hiệu Kehr gặp trong vỡ lách Dấu hiệu nào cần quan tâm ở BN giảm tưới máu: chọn câu sai a) Mach b) Huyết áp c) Nước tiểu d) Tri giác. e) Nhịp thở BN nào shock mà không giảm thể tích tuần hoàn: Shock do tim. shock CT khác viêm tắc động mạch chi dưới thường do a) Bẩm sinh b) Dò động tĩnh mạch (c) Bệnh bueger hoặc xơ vữa d) Đái tháo đường VT bung 10) v<mark>ết thương vùng hông lung</mark> thì chấn đoán bằng: nội soi ổ bụng chấn đoán chứ? (a)) mở bụng thám sát b) siêu âm bung c) ct scan d) chọc dò ổ bụng e) x quang bung

hình ảnh học: ko có giá trị nhiều thám sát vết thương: hữu ích với vết thương thành bụng trước vết thương hông lưng: nội soi ổ bụng hoặc mở bụng thám sát T bung 11) Cls nào thường sử dụng để chẩn đoán xác định có dịch trong ổ bụng: a) siêu âm bung b) chọc dò màng bụng c) ct scan d) xquang bung c gan 12) Khám gan đúng: gan nằm dưới cơ hoành nên gan sẽ di động theo nhịp thở đường mật 13) Biến chứng của ERCP: Nhiễm trùng đường mật ngược dòng và việm tuy cấp đường mật 14) Biến chứng của lấy sởi xuyên gan qua da: rò mật và chảy máu đường mật túi mât 15) Triệu chứng nào của sỏi túi mất mức đô trung bình grade II: đau ha sườn phải. 16) 1 bn mới mỗ thoát vị ben, 1 tháng nay ăn uống bt, khoảng 1 2 ngày gần đây có khối TV ben đùi ngay chỗ mổ cũ to lên, ấn ko xẹp: nghĩ nhiều đến thoát vị tái phát. 17) Case ls của thoát vi bit 18) Case ls của tắc ruột do sỏi mật K dạ dày 19) Ung thư dạ dày xâm lấn vô lớp cơ, phân giai đoạn theo TNM: T2 K dạ dày 20) Ung thư da dày cls đánh giá mức đô xâm lấn tốt nhất dựa vào: CT Scan. 21) Ung thư đại tràng chọn câu sai: Polyp>1cm có nguy cơ ung thư hóa cao. (>2cm mới K ĐT có nguy cơ ung thư hóa cao) Nguyên nhân không đặc hiệu có: rò HM 22) Rò hậu môn nguyên nhân không đặc hiệu là: trĩ Viêm khe và nhú; hoại tử Fournier TV ben đùi 23) Yếu tố nguy cơ của thoát vị bẹn chọn câu sai: viêm đại tràng mạn. hẹp môn vị 24) Hẹp môn vị triệu chứng nào sau đây không đặc hiệu: bụng ậm ạch khó tiêu. (a.) Bụng ậm ạch khó tiêu b. Nôn xong giảm đau, nôn thức ăn cũ Hình ảnh tuyết rơi, song nhu động dạ dày d. Da dày dãn lớn hình cái châu e. Dâu bouveret. K dạ dày 25) Tiên lượng ung thư dạ dày phụ thuộc vào, chọn câu sai: giới khác 26) 1 bệnh nhân 55 tuổi khám bt hết, da xanh, nên làm cls nào để tầm soát a. Nội soi dạ dày đường mật 27) Vi khuẩn kị khí gặp trong nhiễm trùng đường mật là Bacteroides fragilis (và Clostridium) **VPM** 28) Viêm phúc mac hỏi vi trí đau đầu tiên gơi ý nguyên nhân. tăc ruôt 29) Khi thăm khám, triệu chứng có giá trị nhất để chấn đoán liệt ruột là: a. Bung chướng, gõ vang b. Quai ruột nổi c.Dấu rắn bò d. Mất nhu động ruột e. Thăm trực tràng thấy bóng trực tràng rỗng 30) Yếu tố gây K tụy ngoại trừ: Nang giả tụy K tụy

chấn đoán tính chất thấu bung: